

Mẫu 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2006/QĐ-BYT
ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Nghĩa Hòa, ngày 03 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO CÔNG TÁC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

* Dùng cho tuyến xã, phường, thị trấn

* Báo cáo: 6 tháng Một năm

I. Thông tin chung:

1. Dân số : 4902

4. Số cơ sở SXCBTP: 01

2. Diện tích: 23560ha

5. Số cơ sở KDTP : 35

3. Số thôn/bản: 05

6. Số cơ sở dịch vụ ăn uống: 20

II. Công tác chỉ đạo:

1. Có BCĐLN VSATTP do Lãnh đạo UBND làm trưởng Ban:

Có Không

2. Hội nghị BCĐ liên ngành: * 6 tháng/lần.

* 1 năm/lần.

* Không.

3. Quyết định, chỉ thị về VSATTP:

Có Không

4. Công văn về VSATTP:

5. Kế hoạch đảm bảo VSATTP:

6. Hội nghị triển khai và tổng kết:

III. Các hoạt động:

1. Tuyên truyền giáo dục:

TT	Hoạt động	Số lượng/buổi	Số người nghe/phạm vi bao phủ
1.	Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động	00	00
2.	Nói chuyện	0 6	144
3.	Tập huấn	00	
4.	Hội thảo	00	
5.	Phát thanh	3	Toàn xã
6	Sản phẩm truyền thông:		

	- Băng rôn, khẩu hiệu.	02	
	- Tranh áp - phích.	00	
	- Tờ gấp.	00	
	- Băng, đĩa hình.	00	
	- Băng, đĩa âm.	00	
	- SP Khác:...	00	
7	Hoạt động khác:...	00	

2. Công tác kiểm tra, thanh tra:

2.1. Số đoàn: 01

2.2. Kết quả:

T	Cơ sở thực phẩm	TSCS hiện có	Số cơ sở được kiểm tra, Th.tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ đạt (%)
1.	CS Sản xuất chế biến TP	01	00	00	00
2.	CS Kinh doanh tiêu dùng	35	04	04	
3.	CS Dịch vụ ăn uống	20	02	02	
Cộng (1+2+3)					
4.	Số cơ sở vi phạm	00			
5.	Xử lý	Số cơ sở bị cảnh cáo	00		
		Số cơ sở bị phạt tiền	00		
		Số tiền			
		Số cơ sở bị huỷ SP	00		
		Loại SP/SL			
		Cơ sở bị đóng cửa	00		
	Khác	00			

3. Hoạt động cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP:

TT	Loại cơ sở thực phẩm	Số cấp mới	Luỹ tính	Ghi chú
1.		00	00	
2.		00	00	

3.		00	00	
----	--	----	----	--

4. Ngộ độc thực phẩm:

TT	Tác nhân	Số vụ	Số mắc	Số chết
1.	NĐTP do vi sinh vật	00	00	00
2.	NĐTP do hoá chất	00	00	00
3.	NĐTP do TP bị biến chất	00	00	00
4.	NĐTP do độc tố tự nhiên	00	00	00
Cộng		00	00	00

5. Xây dựng mô hình điểm VSATTP:

TT	Tên mô hình	Số lượng	Kết quả
1.	Thức ăn đường phố	5	
2.	Truyền thông cộng đồng thay đổi phong tục tập quán lạc hậu phòng ngừa NĐTP, FBDs	01	
3.	Làng văn hoá sức khoẻ phòng ngừa NĐTP, FBDs	00	
4.	Khác	00	
	Chợ điểm VSATTP.	00	
	Bếp ăn tập thể.	02	
	Trường học.	02	
	Rau sạch.	00	
	Chăn nuôi sạch.	00	
	Khác.....	00	

6. Kinh phí:

TT	Nội dung chi	Trên cấp	Hỗ trợ của UBND xã	Hỗ trợ của DN	Cộng
1.	Tuyên truyền giáo dục.	00	00	00	00
2.	Kiểm tra, thanh tra.	00	00	00	00
3.	Mua trang thiết bị, dụng	00	00	00	00

	cụ.				
4.	Mô hình điểm.	00	00	00	00
5.	Điều tra ngộ độc, giám sát.	00	00	00	00
6.	Xét nghiệm.	00	00	00	00
7.	Khác.....	00	00	00	00

7. Đánh giá chung:

1. Ưu điểm:

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Trung tâm y tế huyện và ban chỉ đạo xã nên việc triển khai chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm diễn ra thuận lợi.

2. Yếu kém, tồn tại:

Công tác kiểm tra của tổ kiểm tra liên ngành của xã các thành viên điều kiêm nhiệm nên số cơ sở kiểm tra còn ít.

Các cơ sở kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, kiến thức hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm còn hạn chế, kinh phí ít.

3. Kiến nghị:

Tập huấn cho các chủ cơ sở kinh doanh buôn bán về an toàn thực phẩm, cung cấp thêm tài liệu để các hộ kinh doanh nhỏ, lẻ hiểu thêm về kiến thức an toàn thực phẩm.

Nơi nhận:

- BCĐLNATTP xã;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Nguyên Trị